

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HẢI HẬU  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HS-ST

Ngày: 03 - 3 - 2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Phạm Trung Kiên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Ngọc Phán.

Ông Nguyễn Văn Hóa.

***- Thư ký phiên toà:*** Ông Nguyễn Văn Đính - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định tham gia phiên toà:*** Ông Lại Minh Khôi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 07/2021/TLST-HS, ngày 04 tháng 02 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 02 năm 2021 đối với bị cáo:

**Trần Văn Q**, sinh năm 1992; nơi sinh và nơi cư trú: Xóm P, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: V Nam; tôn giáo: Không; con ông Trần Văn K, sinh năm 1954 (đã chết) và bà Hồ Thị Hồng N, sinh năm 1971 (đã chết); gia đình có 06 anh chị em ruột, bị cáo là thứ năm; có vợ là Trần Thị T, sinh năm 1995 (đã ly hôn) và có 02 con, lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 14-12-2020 đến ngày 23-12-2020 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nam Định. Có mặt.

***- Bị hại:*** Ông Nguyễn Minh V, sinh năm 1965; địa chỉ: Xóm 14, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

***- Người làm chứng:***

1. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ dân phố số 3, thị trấn C, huyện H, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

2. Anh Bùi Văn D, sinh năm 1979; địa chỉ: Xóm 7, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

3. Anh Mai Minh C, sinh năm 1985; địa chỉ: Xóm X, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

4. Chị Cao Thị M sinh năm 1983; địa chỉ: Xóm P, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

5. Chị Vũ Thị Thu H, sinh năm 1974; địa chỉ: Xóm 14, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

6. Ông Trịnh Quang V, sinh năm 1954; địa chỉ: Xóm N, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

7. Anh Trần Văn T, sinh năm 1977; địa chỉ: Xóm L, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

8. Anh Trần Văn D, sinh năm 1970; địa chỉ: Xóm N, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

9. Anh Phạm Quang H, sinh năm 1981; địa chỉ: Xóm 2, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

10. Chị Trần Thị T, sinh năm 1995; địa chỉ: Xóm P, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 29-11-2020, Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 36Y1-4684 phía sau chở Trần Văn Q cùng cháu Trần Kiều V (con trai Q) đến Trung tâm Y tế dự phòng huyện Hải Hậu để uống thuốc Methadone. Khi đi qua khu vực UBND xã H thì T và Q xảy ra cãi chửi nhau nên Q và cháu V xuống xe đi bộ, còn T tiếp tục điều khiển xe đi tiếp. Khoảng 08 giờ cùng ngày, Q đi qua khu vực quán thịt chó của anh Trần Văn T ở xóm L, xã H, huyện H thì phát hiện thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Motostar, biển kiểm soát 18F2-6079, phía sau có chở 01 chiếc lồng bằng kim loại bên trong có 01 con chó trọng lượng khoảng 20kg của anh Nguyễn Minh V dựng ở phía trước cửa quán. Q quan sát thấy chìa khóa xe cắm ở ổ khóa điện còn anh V đang ngồi phía trong uống nước cùng anh T nên nảy sinh ý định trộm cắp. Q đi đến mở chìa khóa điện rồi nổ máy chở cháu V chạy thoát, sau đó, Q đến quán thịt chó “T Râu” ở Tổ dân phố số 3, thị trấn Y do anh Nguyễn Văn H làm chủ đặt vấn đề bán chó nhưng anh H không mua mà giới thiệu Bùi Văn D gặp Q để mua, D đồng ý và cân con chó được 20kg, thỏa thuận mua bán 60.000 đồng/kg, tổng số tiền là 1.200.000 đồng. Sau khi bán được chó, Q đến Trung tâm Y tế dự phòng huyện Hải Hậu uống Methadone rồi điều khiển xe chở cháu V về nhà chị Trần Thị T (là vợ của Q) ở xóm 12, xã H, huyện H. Đến khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, Q tháo biển kiểm soát xe mô tô 18F2-6079 vứt xuống sông Múc ở khu vực xóm X, xã H. Sau đó, Q mang chiếc xe trên đến cửa hàng sửa chữa xe máy của anh Mai Minh C ở xóm X, xã H nói là xe của mình bị mất giấy tờ xe và biển kiểm soát nên muốn bán, anh C đồng ý mua với giá 600.000 đồng. Sau đó, Q bỏ trốn khỏi địa phương. Đến ngày 14-12-2020, Q đến Công an huyện Hải Hậu xin đầu thú.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 46/KL-HĐĐG ngày 07-12-2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Hải Hậu kết luận: Chiếc xe mô

tô nhãn hiệu Motostar, biển kiểm soát 18F2-6079 có trị giá 2.000.000 đồng, 01 con chó thịt nặng 20kg trị giá 1.800.000 đồng, 01 chiếc lồng sắt trị giá 180.000 đồng. Tổng trị giá tài sản 3.980.000 đồng. Cơ quan điều tra đã thu hồi trả lại chiếc xe mô tô trên cho anh Nguyễn Minh V. Chị Trần Thị T đã tự nguyện bồi thường số tiền 1.980.000 đồng cho anh Nguyễn Minh V và số tiền 600.000 đồng cho anh Mai Minh C. Sau khi nhận lại tài sản, anh V và anh C không có yêu cầu gì thêm về phần dân sự. Đối với chiếc biển kiểm soát 18F2-6079, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không có kết quả.

Cáo trạng số 07/CT-VKSHH, ngày 03-02-2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu đã truy tố bị cáo Trần Văn Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trần Văn Q phạm tội Trộm cắp tài sản. Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền cáo.

Trong phần tranh luận tại phiên tòa và lời nói sau cùng, bị cáo thừa nhận đã phạm tội, hứa sửa chữa lỗi lầm và xin được giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hải Hậu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng. Quá trình điều tra bị cáo, bị hại đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn Q khai nhận về hành vi đã thực hiện đúng như cáo trạng truy tố. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, vật chứng đã thu giữ được và kết luận định giá tài sản số 46/KL-HĐĐG ngày 07-12-2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Hải Hậu. Do đó có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 08 giờ 00 phút ngày 29-11-2020, tại khu vực quán thịt chó của anh Trần Văn Trọng ở xóm L, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định, Trần Văn Q đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô nhãn hiệu Motostar, biển kiểm soát 18F2-6079 đứng tên chủ xe Trần Văn M, phía sau có chở 01 chiếc lồng bằng kim loại bên trong có 01 con chó trọng lượng khoảng 20 kg có tổng trị giá 3.980.000đ (*Ba triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng*) của anh Nguyễn Minh V dựng ở phía trước cửa quán. Bị cáo là người có thể chất, tinh thần bình thường, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định: “1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương nên bị cáo phải bị xử lý nghiêm khắc để răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai báo thành khẩn, thái độ ăn năn hối lỗi; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội đã ra đầu thú; được gia đình bồi thường thiệt hại về tài sản cho bị hại thay cho bị cáo. Do đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận không có tác động gì tới gia đình để bồi thường thiệt hại về tài sản cho bị hại và người đã mua tài sản do bị cáo phạm tội nên Hội đồng xét xử xác định bị cáo chỉ được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ “Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Căn cứ tính chất của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, tiếp tục cách ly bị cáo khỏi cộng đồng xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp pháp luật.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, có con nhỏ đang phải nuôi dưỡng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Nguyễn Minh V đã nhận lại chiếc xe mô tô bị chiếm đoạt và nhận bồi thường thiệt hại đối với tài sản không thu hồi được là 1.980.000 đồng, anh Mai Minh C là người mua chiếc xe mô tô của bị cáo nhưng không biết do bị cáo phạm tội mà có, đã nhận lại số tiền 600.000 đồng bỏ ra mua xe. Đến nay ông V và anh C đều không yêu cầu bị cáo bồi thường dân sự nên không xem xét giải quyết về dân sự.

[8] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[9] Quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trần Văn Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt Trần Văn Q 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14 tháng 12 năm 2020.

2. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Trần Văn Q phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Nam Định: 01 bản;
- Sở Tư pháp tỉnh Nam Định: 01 bản;
- VKSND huyện Hải Hậu: 02 bản;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu: 01 bản;
- Công an huyện Hải Hậu: 02 bản;
- UBND xã H: 01 bản;
- Bị cáo: 01 bản;
- Bị hại: 01 bản;
- Hồ sơ vụ án: 01 bản;
- Lưu văn phòng: 01 bản.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Phạm Trung Kiên**